

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI  
NĂM HỌC 2025 - 2026  
Môn thi : TOÁN 6

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0035	Nguyễn Đức	Phước	6/1	Kim Đồng	14,25	1	I	3,00
2	0028	Nguyễn Trọng	Nghĩa	6/1	Kim Đồng	13	2	II	2,00
3	0025	Trần Ngọc Khải	Minh	6/1	Kim Đồng	9,75	3	II	2,00
4	0007	Lê Duy	Duân	6/1	Kim Đồng	8	4	II	2,00
5	0031	Nguyễn Văn Minh	Nhật	6/1	Nguyễn Bình Khiêm	7,75	5	II	2,00
6	0040	Trương Thị Thanh	Trâm	6/5	Nguyễn Duy Hiệu	7,5	6	II	2,00
7	0002	Nguyễn Khánh Trân	Châu	6/1	Nguyễn Bình Khiêm	7,25	7	II	2,00
8	0036	Đặng Nhật	Quang	6/1	Kim Đồng	7,25	7	II	2,00
9	0042	Phan Nguyên	Tuấn	6/1	Kim Đồng	6,5	9	III	1,00
10	0017	Nguyễn Đình Nguyên	Khang	6/1	Kim Đồng	6	10	III	1,00
11	0044	Từ Huy	Tùng	6/2	Kim Đồng	6	10	III	1,00
12	0043	Huỳnh Thanh	Tuấn	6/1	Phan Bội Châu	5,875	12	III	1,00
13	0020	Huỳnh Vũ Anh	Khoa	6/1	Huỳnh Thị Lựu	5,65	13	III	1,00
14	0003	Ngô Hoàng Bảo	Châu	6/1	Phan Bội Châu	5	14	III	1,00
15	0010	Hồ Quang	Hiển	6/5	Nguyễn Duy Hiệu	5	14	III	1,00
16	0013	Đình Gia	Hưng	6/1	Phan Bội Châu	4,75	16	KK	0,50
17	0006	Nguyễn Xuân	Đông	6/5	Nguyễn Duy Hiệu	4,5	17	KK	0,50
18	0008	Đặng Hồng Bảo	Giang	6/2	Lý thường Kiệt	4	18	KK	0,50
19	0041	Trần Minh	Trí	6/3	Nguyễn Du	4	18	KK	0,50
20	0005	Lê Quang	Chương	6/1	Phan Bội Châu	3,75	20	KK	0,50
21	0037	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	6/1	Nguyễn Bình Khiêm	3,75	20	KK	0,50
22	0030	Trang Viết Khôi	Nguyên	6/1	Nguyễn Bình Khiêm	3,5	22	KK	0,50
23	0019	Nguyễn Anh	Khoa	6/1	Nguyễn Bình Khiêm	3,375	23	KK	0,50
24	0026	Nguyễn Quang	Minh	6/5	Nguyễn Duy Hiệu	3,25	24	KK	0,50
25	0018	Đình Thế	Khang	6/1	Chu Văn An	3,125	25	KK	0,50
26	0032	Lê Minh	Nhật	6/1	Phan Bội Châu	3	26	KK	0,50
27	0027	Doãn Bá Gia	Minh	6/1	Nguyễn Bình Khiêm	2,75	27	KK	0,50
28	0039	Nguyễn Anh	Thư	6/1	Chu Văn An	2,75	27	KK	0,50
29	0047	Lê Khôi	Vỹ	6/1	Nguyễn Bình Khiêm	2,75	27	KK	0,50
30	0024	Nguyễn Tuấn	Kiệt	6/1	Nguyễn Bình Khiêm	2,5	30		0,00
31	0045	Lê Thanh	Vinh	6/1	Chu Văn An	2,5	30		0,00
32	0012	Nguyễn Bảo	Huân	6/1	Lý thường Kiệt	2,25	32		0,00
33	0001	Lê Gia	Bảo	6/1	Chu Văn An	2	33		0,00
34	0004	Đặng Công	Chiến	6/1	Huỳnh Thị Lựu	2	33		0,00
35	0009	Bùi Thanh	Hải	6/2	Nguyễn Du	2	33		0,00
36	0015	Nguyễn Quốc	Huy	6/1	Huỳnh Thị Lựu	2	33		0,00
37	0021	Trương Nguyễn Minh	Khoa	6/1	Huỳnh Thị Lựu	2	33		0,00
38	0023	Vũ Nguyễn Tuấn	Kiệt	6/1	Kim Đồng	2	33		0,00
39	0029	Nguyễn Hoàng	Nguyên	6/3	Trần Quốc Toàn	2	33		0,00
40	0038	Nguyễn Lê Anh	Thơ	6/2	Trần Quốc Toàn	2	33		0,00
41	0046	Lê Nguyễn Khánh	Vy	6/5	Nguyễn Duy Hiệu	2	33		0,00
42	0022	Phạm Trần Gia	Kiên	6/3	Nguyễn Du	1	42		0,00
43	0034	Lê Nguyễn Trường	Phúc	6/2	Nguyễn Du	0,75	43		0,00
44	0011	Trịnh Minh	Hoàng	6/1	Chu Văn An	0,625	44		0,00
45	0014	Hồ Nguyên	Huy	6/3	Trần Quốc Toàn	0,5	45		0,00
46	0016	Nguyễn Đình Minh	Huy	6/1	Huỳnh Thị Lựu	0,5	45		0,00
47	0033	Lê Huy	Phát	6/1	Kim Đồng	0,5	45		0,00

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Viết Tinh



TM. BAN TỔ CHỨC  
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Hùng Sĩ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VHXH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI  
NĂM HỌC 2025 - 2026  
Môn thi : NGŨ VĂN 6

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0078	Phan Hoàng	Nhi	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	14	1	I	3,00
2	0086	Đoàn Nguyên Bảo	Trần	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	13,75	2	II	2,00
3	0089	Lê Nguyễn Kiều	Trình	6.1	Lý thường Kiệt	13,75	2	II	2,00
4	0055	Võ Thị Minh	Hiếu	6/2	Nguyễn Bình Khiêm	13	4	II	2,00
5	0081	Phạm Phú Hà	Như	6/2	Kim Đồng	12,5	5	II	2,00
6	0060	Trần Lê Ngân	Khuê	6/2	Kim Đồng	11,75	6	II	2,00
7	0075	Tạ Trương Bảo	Ngọc	6/2	Nguyễn Bình Khiêm	11,25	7	II	2,00
8	0053	Huỳnh Ngọc Kiều	Duyên	6/1	Phan Bội Châu	11	8	III	1,00
9	0057	Nguyễn Phạm Quỳnh	Hương	6/2	Nguyễn Bình Khiêm	11	8	III	1,00
10	0082	Đặng Dương	Phong	6/2	Nguyễn Bình Khiêm	10,75	10	III	1,00
11	0050	Phạm Trần Bảo	Châu	6/2	Kim Đồng	10,5	11	III	1,00
12	0052	Nguyễn Lê Thùy	Dương	6/2	Nguyễn Bình Khiêm	10,5	11	III	1,00
13	0059	Đình Mai	Khôi	6/1	Chu Văn An	10,5	11	III	1,00
14	0063	Huỳnh Phương	Linh	6/2	Kim Đồng	10,5	11	III	1,00
15	0069	Nguyễn Tịnh	Ngân	6/2	Nguyễn Du	10,5	11	III	1,00
16	0088	Trần Yên	Trang	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	10,5	11	III	1,00
17	0091	Ngô Nhã	Uyên	6/2	Kim Đồng	10,5	11	III	1,00
18	0092	Dương Nhã	Uyên	6/2	Nguyễn Bình Khiêm	10,5	11	III	1,00
19	0064	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	6/1	Chu Văn An	10,25	19	KK	0,50
20	0066	Phan Huỳnh Nhật	Linh	6.2	Huỳnh Thị Lựu	10,25	19	KK	0,50
21	0049	Nguyễn Kim Hồng	Ấn	6/1	Nguyễn Du	10	21	KK	0,50
22	0071	Lý Bảo	Nghi	6/2	Kim Đồng	10	21	KK	0,50
23	0084	Lê Hữu Nhã	Thuyền	6/1	Chu Văn An	9,5	23	KK	0,50
24	0085	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	6/1	Phan Bội Châu	9,5	23	KK	0,50
25	0093	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	6/2	Nguyễn Bình Khiêm	9,5	23	KK	0,50
26	0054	Đặng Thanh	Hà	6/1	Phan Bội Châu	9,25	26	KK	0,50
27	0056	Nguyễn Gia	Hung	6/2	Phan Bội Châu	9,25	26	KK	0,50
28	0065	Trần Quang Bảo	Linh	6/1	Phan Bội Châu	9,25	26	KK	0,50
29	0074	Trương Bảo	Ngọc	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	9,25	26	KK	0,50
30	0090	Dương Lê Khánh	Trúc	6/3	Trần Quốc Toàn	9,25	26	KK	0,50
31	0083	Lê Phương	Thảo	6.2	Huỳnh Thị Lựu	9	31		0,00
32	0094	Lê Hải	Yên	6/2	Nguyễn Bình Khiêm	9	31		0,00
33	0077	Thân Nữ Phương	Nhật	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	8,75	33		0,00
34	0067	Nguyễn Đình Thảo	My	6/3	Trần Quốc Toàn	8,5	34		0,00
35	0076	Mai Võ Đông	Nguyên	6	Quang Trung	8,25	35		0,00
36	0051	Nguyễn Thị Trần	Châu	6/4	Chu Văn An	8	36		0,00
37	0062	Ngô Ngọc	Linh	6/2	Kim Đồng	8	36		0,00
38	0070	Võ Lê Khả	Ngân	6.2	Huỳnh Thị Lựu	8	36		0,00
39	0079	Võ Ngọc Uyên	Nhi	6.1	Lý thường Kiệt	8	36		0,00
40	0058	Nguyễn Phạm Bảo	Khang	6/3	Nguyễn Du	7,75	40		0,00
41	0068	Nguyễn Thị Trà	My	6/1	Chu Văn An	7,75	40		0,00
42	0072	Đỗ Khánh	Ngọc	6/2	Kim Đồng	7,75	40		0,00
43	0073	Trương Minh	Ngọc	6/2	Kim Đồng	7,75	40		0,00
44	0048	Lê Hoài	An	6/2	Trần Quốc Toàn	6,75	44		0,00
45	0087	Lê Song Bảo	Trần	6.2	Huỳnh Thị Lựu	6,75	44		0,00
46	0080	Võ Trần An	Nhiên	6.1	Huỳnh Thị Lựu	6,5	46		0,00
47	0061	Đình Diệp Minh	Khuê	6/1	Nguyễn Du	5,75	47		0,00

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Viết Tinh



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI  
NĂM HỌC 2025 - 2026  
Môn thi : TIẾNG ANH 6

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0139	Nguyễn Phạm Cát	Uy	6/3	Kim Đồng	15,2	1	I	3,00
2	0097	Nguyễn Trần Mai	Anh	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	14,3	2	II	2,00
3	0100	Trần Phước Kỳ	Châu	6/3	Kim Đồng	14	3	II	2,00
4	0116	Trần Chi	Mai	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	13,5	4	II	2,00
5	0105	Huỳnh Kim Trần	Hiếu	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	13	5	II	2,00
6	0112	Nguyễn Minh	Khoa	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	12,8	6	II	2,00
7	0131	Lâm Quốc	Tiến	6/3	Kim Đồng	11,3	7	II	2,00
8	0121	Lê Văn Minh	Nhật	6/3	Nguyễn Bình Khiêm	11	8	III	1,00
9	0123	Nguyễn Đức Quỳnh	Như	6/4	Nguyễn Duy Hiệu	10,9	9	III	1,00
10	0115	Lê Bảo	Long	6/3	Kim Đồng	10,4	10	III	1,00
11	0113	Lê Phạm Hoàng	Kim	6/3	Kim Đồng	10,3	11	III	1,00
12	0096	Cao Thiên	Ân	6/3	Kim Đồng	10,1	12	III	1,00
13	0103	Lê Trần Quỳnh	Chi	6/3	Kim Đồng	10	13	III	1,00
14	0109	Trần Hữu	Khang	6/4	Nguyễn Du	9,9	14	III	1,00
15	0136	Đình Huỳnh Bảo	Trần	6/3	Kim Đồng	9,9	14	III	1,00
16	0134	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	6/1	Phan Bội Châu	9,6	16	III	1,00
17	0114	Ngô Uyên Tường	Lam	6/3	Nguyễn Bình Khiêm	8,9	17	KK	0,50
18	0128	Trần Hoàng Phương	Thảo	6/3	Kim Đồng	8,6	18	KK	0,50
19	0138	Lê Nguyễn Hải	Triều	6/3	Nguyễn Bình Khiêm	8,5	19	KK	0,50
20	0095	Lê Tường	An	6/1	Phan Bội Châu	8,1	20	KK	0,50
21	0118	Trần Lê Bảo	Nghi	6/3	Nguyễn Bình Khiêm	7,8	21	KK	0,50
22	0142	Huỳnh Lê Bảo	Yến	6.3	Huỳnh Thị Lựu	7,6	22	KK	0,50
23	0101	Tống Bảo	Châu	6/4	Nguyễn Du	7,3	23	KK	0,50
24	0124	Lê Ngọc Uyên	Như	6/1	Phan Bội Châu	7,3	23	KK	0,50
25	0108	Trần Đoàn Quốc	Huy	6/2	Nguyễn Du	6,8	25	KK	0,50
26	0125	Nguyễn Lê Nguyên	Phát	6/3	Nguyễn Bình Khiêm	6,8	25	KK	0,50
27	0130	Hồ Nguyễn Anh	Thư	6/3	Nguyễn Bình Khiêm	6,7	27	KK	0,50
28	0099	Nguyễn Gia	Bảo	6/1	Phan Bội Châu	6,3	28	KK	0,50
29	0106	Nguyễn Gia	Hung	6/3	Nguyễn Bình Khiêm	6,2	29	KK	0,50
30	0133	Đỗ	Tina	6/3	Nguyễn Bình Khiêm	6,2	29	KK	0,50
31	0102	Nguyễn Hoàng	Châu	6/1	Nguyễn Du	5,6	31		0,00
32	0141	Hà Vũ Hạ	Vy	6/1	Chu Văn An	5,6	31		0,00
33	0107	Nguyễn Thị Thảo	Hương	6/1	Trần Quốc Toàn	5,5	33		0,00
34	0120	Nguyễn Trí Khôi	Nguyên	6.3	Huỳnh Thị Lựu	5,4	34		0,00
35	0117	Nguyễn Ngọc Gia	Nghi	6/1	Chu Văn An	5	35		0,00
36	0135	Nguyễn Kim Bảo	Trần	6/1	Chu Văn An	5	35		0,00
37	0110	Phạm Nhĩ	Khang	6/3	Trần Quốc Toàn	4,8	37		0,00
38	0127	Nguyễn Hoàng	Tân	6/1	Phan Bội Châu	4,5	38		0,00
39	0140	Đỗ Lê Thảo	Uyên	6.3	Huỳnh Thị Lựu	4,1	39		0,00
40	0098	Phạm Lê Gia	Bảo	6/3	Huỳnh Thị Lựu	4	40		0,00
41	0129	Nguyễn Thu	Thảo	6/2	Lý Thường Kiệt	4	40		0,00
42	0111	Đỗ Văn Anh	Khoa	6/3	Huỳnh Thị Lựu	3,8	42		0,00
43	0119	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	6/3	Trần Quốc Toàn	3,8	42		0,00
44	0132	Lê Bá Hồng	Tín	6/1	Chu Văn An	3,7	44		0,00
45	0104	Thân Thị Ánh	Dương	6/1	Chu Văn An	3,4	45		0,00
46	0126	Phan Công	Phi	6/2	Lý Thường Kiệt	3,4	45		0,00
47	0137	Mai Quỳnh	Trang	6	Quang Trung	3	47		0,00
48	0122	Nguyễn Lê Yến	Nhi	6	Quang Trung	2,8	48		0,00

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Viết Tinh





ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI

NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn thi : NGŨ VĂN 7

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0211	Lê Thảo	Na	7/3	Kim Đồng	13,25	1	I	3,00
2	0200	Lê Thị Khánh	Giang	7/3	Kim Đồng	13	2	II	2,00
3	0195	Hứa Thị Kim	Ánh	7/1	Trần Quốc Toàn	11,75	3	II	2,00
4	0233	Võ Lê	Vy	7/3	Kim Đồng	11,5	4	II	2,00
5	0189	Nguyễn Ngọc Nhã	An	7/3	Kim Đồng	11,25	5	II	2,00
6	0202	Nguyễn Phan Bảo	Hân	7/3	Nguyễn Bình Khiêm	11,25	5	II	2,00
7	0217	Nguyễn Tâm	Như	7/3	Kim Đồng	11,25	5	II	2,00
8	0192	Bạch Quỳnh	Anh	7/2	Nguyễn Bình Khiêm	11	8	III	1,00
9	0229	Phạm Ngọc Tố	Trần	7/3	Kim Đồng	10,75	9	III	1,00
10	0207	Phạm Thị Khánh	Linh	7/3	Kim Đồng	10,25	10	III	1,00
11	0197	Lê Gia	Bảo	7/1	Phan Bội Châu	10	11	III	1,00
12	0235	Võ Thị Như	Ý	7/1	Trần Quốc Toàn	10	11	III	1,00
13	0205	Nguyễn Minh	Huân	7/4	Nguyễn Duy Hiệu	9,75	13	III	1,00
14	0227	Trần Thanh	Thúy	7/2	Nguyễn Bình Khiêm	9,75	13	III	1,00
15	0194	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	7/1	Phan Bội Châu	9,5	15	KK	0,50
16	0212	Hứa Hoàng	Nam	7/1	Trần Quốc Toàn	9,5	15	KK	0,50
17	0232	Nguyễn Phạm Thanh	Vân	7.4	Huỳnh Thị Lựu	9,5	15	KK	0,50
18	0213	Trần Thị Kim	Ngân	7/1	Chu Văn An	9	18	KK	0,50
19	0214	Huỳnh Thị Kim	Ngân	7/1	Phan Bội Châu	9	18	KK	0,50
20	0216	Trần Lê Bảo	Nguyễn	7/1	Phan Bội Châu	9	18	KK	0,50
21	0224	Phan Anh	Thư	7/5	Nguyễn Du	9	18	KK	0,50
22	0193	Lê Đình Thảo	Anh	7/2	Nguyễn Bình Khiêm	8,75	22	KK	0,50
23	0201	Võ Duyên	Hà	7/2	Lý thường Kiệt	8,75	22	KK	0,50
24	0204	Đỗ Ngọc Gia	Hân	7/1	Chu Văn An	8,75	22	KK	0,50
25	0208	Ông Bùi Gia	Linh	7/2	Nguyễn Bình Khiêm	8,75	22	KK	0,50
26	0218	Trần Nhã	Quyên	7/2	Nguyễn Bình Khiêm	8,75	22	KK	0,50
27	0226	Lê Nguyễn Anh	Thư	7.4	Huỳnh Thị Lựu	8,75	22	KK	0,50
28	0206	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	7.4	Huỳnh Thị Lựu	8,5	28	KK	0,50
29	0199	Phạm Thị Thảo	Duyên	7/1	Nguyễn Du	8	29		0,00
30	0220	Nguyễn Thị Minh	Tâm	7/3	Kim Đồng	8	29		0,00
31	0190	Ngô Bảo	An	7	Quang Trung	7,75	31		0,00
32	0210	Nguyễn Lê Uyên	My	7.4	Huỳnh Thị Lựu	7,75	31		0,00
33	0231	Trần Thanh Thảo	Uyên	7/5	Nguyễn Du	7,75	31		0,00
34	0219	Nguyễn Phạm	Sara	7/1	Nguyễn Duy Hiệu	7,5	34		0,00
35	0234	Huỳnh Ngọc Thảo	Vy	7/4	Nguyễn Duy Hiệu	7,5	34		0,00
36	0228	Phạm Thị Hương	Trà	7/1	Lý thường Kiệt	7,25	36		0,00
37	0221	Nguyễn Thị Đan	Thanh	7/4	Nguyễn Duy Hiệu	7	37		0,00
38	0223	Văn Ngọc Anh	Thư	7/3	Kim Đồng	7	37		0,00
39	0215	Lâm Bảo	Ngọc	7/4	Nguyễn Duy Hiệu	6,75	39		0,00
40	0225	Phạm Võ Huyền	Thư	7/5	Nguyễn Du	6,75	39		0,00
41	0191	Nguyễn Huệ	Ân	7/1	Phan Bội Châu	6,5	41		0,00
42	0196	Đỗ Nhật	Ánh	7/2	Nguyễn Bình Khiêm	6,5	41		0,00
43	0209	Nguyễn Ngọc Hà	My	7/5	Nguyễn Du	6	43		0,00
44	0198	Lê Nguyễn Trân	Châu	7/1	Chu Văn An	5,25	44		0,00
45	0222	Nguyễn Lê Anh	Thơ	7/1	Chu Văn An	5,25	44		0,00
46	0203	Bùi Nguyễn Bảo	Hân	7/2	Nguyễn Bình Khiêm	5	46		0,00
47	0230	Nguyễn Trần Nhã	Uyên	7/1	Chu Văn An	3	47		0,00

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Viết Tình



TM. BAN TỔ CHỨC  
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Hùng Sĩ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VHXH

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI  
NĂM HỌC 2025 - 2026  
Môn thi : TIẾNG ANH 7

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0260	Lê Chi	Mai	7/2	Kim Đồng	16,7	1	I	3,00
2	0240	Nguyễn Minh	Chí	7/2	Kim Đồng	16	2	II	2,00
3	0248	Võ Như	Hoàng	7/2	Kim Đồng	15,8	3	II	2,00
4	0250	Phạm Văn Nguyên	Kha	7/2	Kim Đồng	15,4	4	II	2,00
5	0243	Nguyễn Minh	Hà	7/3	Nguyễn Bình Khiêm	15,3	5	II	2,00
6	0261	Trần Ngọc	Minh	7/2	Kim Đồng	14,6	6	II	2,00
7	0277	Trần Thị Nhã	Uyên	7/2	Kim Đồng	14,2	7	III	1,00
8	0284	Trần Nguyễn Như	Ý	7/3	Nguyễn Bình Khiêm	14,2	7	III	1,00
9	0272	Nguyễn Phạm Tấn	Toàn	7/2	Kim Đồng	13,6	9	III	1,00
10	0239	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	7/3	Nguyễn Bình Khiêm	12,9	10	III	1,00
11	0252	Nguyễn Mai	Khanh	7/2	Kim Đồng	12,9	10	III	1,00
12	0242	Dương Đình	Đức	7/2	Kim Đồng	12,5	12	III	1,00
13	0244	Trương Lê Ngọc	Hân	7.4	Huỳnh Thị Lựu	12,2	13	III	1,00
14	0281	Lê Nguyễn Khôi	Vỹ	7/2	Kim Đồng	11,8	14	III	1,00
15	0254	Trương Hoàng Minh	Khuê	7/2	Kim Đồng	11,6	15	III	1,00
16	0257	Phạm Hồ Đan	Lê	7/1	Phan Bội Châu	10,5	16	KK	0,50
17	0251	Trịnh Ngọc Minh	Khang	7/4	Nguyễn Duy Hiệu	10,4	17	KK	0,50
18	0263	Trần Phương	Nguyễn	7/1	Trần Quốc Toàn	9,4	18	KK	0,50
19	0256	Trương Đức Tuấn	Kiệt	7/5	Nguyễn Du	9,1	19	KK	0,50
20	0268	Đỗ Nguyễn Thành	Tâm	7/4	Nguyễn Duy Hiệu	8,9	20	KK	0,50
21	0259	Huỳnh Hoàng	Long	7/4	Nguyễn Duy Hiệu	8,1	21	KK	0,50
22	0258	Đình Phú	Lộc	7/3	Nguyễn Bình Khiêm	8	22	KK	0,50
23	0279	Trần Khánh	Vy	7/3	Nguyễn Bình Khiêm	8	22	KK	0,50
24	0283	Phạm Thị Như	Ý	7/2	Lý Thường Kiệt	7,8	24	KK	0,50
25	0274	Đào Anh	Tuấn	7/4	Nguyễn Duy Hiệu	7,7	25	KK	0,50
26	0237	Nguyễn Thị Tú	Anh	7/1	Chu Văn An	7,4	26	KK	0,50
27	0264	Nguyễn Tuệ	Nhi	7/5	Nguyễn Du	7,2	27	KK	0,50
28	0282	Huỳnh Chí	Vỹ	7/3	Trần Quốc Toàn	6,9	28	KK	0,50
29	0238	Trịnh Phương	Anh	7.4	Huỳnh Thị Lựu	6,6	29	KK	0,50
30	0266	Hứa Tùng	Quân	7/4	Nguyễn Duy Hiệu	6,5	30		0,00
31	0255	Lê Phạm Minh	Khuê	7/5	Nguyễn Du	6,4	31		0,00
32	0280	Nguyễn Thị Trúc	Vy	7/1	Phan Bội Châu	6,3	32		0,00
33	0275	Nguyễn Duy	Tường	7/1	Trần Quốc Toàn	6,2	33		0,00
34	0245	Nguyễn Ngọc	Hân	7/3	Nguyễn Bình Khiêm	5,6	34		0,00
35	0246	Nguyễn Gia	Hân	7/1	Phan Bội Châu	5,6	34		0,00
36	0269	Phạm Phước	Thịnh	7/5	Nguyễn Du	5,6	34		0,00
37	0273	Đặng Ngọc Quỳnh	Trần	7.4	Huỳnh Thị Lựu	5,4	37		0,00
38	0267	Lê Trần Nhã	Quyên	7/1	Phan Bội Châu	5,3	38		0,00
39	0270	Lê Trang Anh	Thư	7.4	Huỳnh Thị Lựu	5,3	38		0,00
40	0265	Trần Thị Thuận	Phước	7/1	Chu Văn An	5,2	40		0,00
41	0278	Nguyễn Quỳnh Thảo	Vân	7/3	Nguyễn Bình Khiêm	4,8	41		0,00
42	0253	Nguyễn Võ Phú	Khôi	7/5	Nguyễn Du	4,7	42		0,00
43	0249	Kiều Thị Thanh	Huyền	7/1	Chu Văn An	4,6	43		0,00
44	0241	Nguyễn Trần Nhã	Đoan	7	Quang Trung	4,5	44		0,00
45	0276	Đỗ Nguyễn Phương	Uyên	7/1	Chu Văn An	4,3	45		0,00
46	0236	Phan Kỳ	Anh	7/1	Chu Văn An	4,1	46		0,00
47	0262	Nguyễn Minh	Ngọc	7/3	Nguyễn Bình Khiêm	4,1	46		0,00
48	0247	Nguyễn Bảo	Hân	7/1	Phan Bội Châu	2,6	48		0,00
49	0271	Diệp Văn	Thuận	7/1	Lý Thường Kiệt	2,4	49		0,00

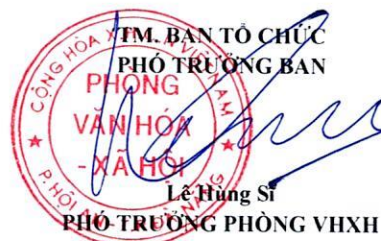
THƯ KÝ



Nguyễn Thị Thủy



Nguyễn Việt Tinh



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI  
NĂM HỌC 2025 - 2026  
Môn thi : TOÁN 8

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thường
1	0313	Phan Khôi	Nguyên	8/1	Kim Đồng	15,25	1	I	3,00
2	0304	Nguyễn Nhật	Minh	8/1	Kim Đồng	13,75	2	II	2,00
3	0308	Phan Hoàng	Ngân	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	13,75	2	II	2,00
4	0314	Trần Đình	Nguyên	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	12,25	4	II	2,00
5	0327	Nguyễn Đức	Trí	8/1	Kim Đồng	9,75	5	II	2,00
6	0287	Nguyễn Vũ	Đạt	8/1	Kim Đồng	9,25	6	II	2,00
7	0325	Nguyễn Bình Khánh	Thy	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	8,75	7	III	1,00
8	0292	Hồ Nhật	Hiền	8/6	Kim Đồng	8,5	8	III	1,00
9	0291	Lê Công	Hậu	8/1	Phan Bội Châu	8	9	III	1,00
10	0289	Văn Phan Nguyên	Hải	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	6,75	10	III	1,00
11	0285	Nguyễn Đăng	Bảo	8/1	Kim Đồng	6,5	11	III	1,00
12	0294	Đình Quốc	Huy	8/1	Kim Đồng	6,5	11	III	1,00
13	0299	Nguyễn Hà Đăng	Khôi	8/1	Kim Đồng	6,25	13	III	1,00
14	0302	Trần Lê Trúc	Linh	8/1	Phan Bội Châu	6,25	13	III	1,00
15	0298	Bùi Phước Đăng	Khoa	8/1	Chu Văn An	5,25	15	KK	0,50
16	0326	Phan Lê Uyên	Trang	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	5,25	15	KK	0,50
17	0329	Dương Ngọc	Triết	8/1	Phan Bội Châu	5,25	15	KK	0,50
18	0286	Huỳnh Gia	Bảo	8/1	Kim Đồng	4,75	18	KK	0,50
19	0324	Thái Ngọc Song	Thư	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	4,5	19	KK	0,50
20	0301	Trần Tuấn	Kiệt	8/1	Chu Văn An	4	20	KK	0,50
21	0312	Phạm Phú Bảo	Ngọc	8/5	Nguyễn Du	4	20	KK	0,50
22	0330	Phạm Thị Thanh	Trúc	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	3,75	22	KK	0,50
23	0328	Trần Minh	Triết	8/1	Phan Bội Châu	3,5	23	KK	0,50
24	0303	Nguyễn Ngọc Trúc	Linh	8.4	Huỳnh Thị Lựu	3	24	KK	0,50
25	0307	Nguyễn Thị Tố	Nga	8/3	Chu Văn An	3	24	KK	0,50
26	0311	Huỳnh Lê Thanh	Ngọc	8/2	Lý Thường Kiệt	3	24	KK	0,50
27	0290	Phạm Ngọc Bảo	Hân	8/1	Trần Quốc Toàn	2,75	27	KK	0,50
28	0305	Phạm Văn Gia	Minh	8/1	Lý Thường Kiệt	2,75	27	KK	0,50
29	0306	Nguyễn Hải	Nam	8.4	Huỳnh Thị Lựu	2,75	27	KK	0,50
30	0315	Huỳnh Xuân	Nhật	8.4	Huỳnh Thị Lựu	2,75	27	KK	0,50
31	0319	Nguyễn Tiến	Quân	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	2,75	27	KK	0,50
32	0321	Dương Anh	Quyền	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	2,75	27	KK	0,50
33	0296	Sử Duy	Khang	8/5	Nguyễn Du	2,5	33		0,00
34	0300	Lê Anh	Khôi	8/1	Chu Văn An	2,5	33		0,00
35	0318	Nguyễn Ngọc Minh	Quân	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	2,5	33		0,00
36	0322	Nguyễn Thanh	Thảo	8/1	Chu Văn An	2	36		0,00
37	0332	Đình	Vươn	8/1	Trần Quốc Toàn	2	36		0,00
38	0320	Phạm Lê Minh	Quân	8/2	Lý Thường Kiệt	1,75	38		0,00
39	0293	Lê Phước	Hiền	8/1	Trần Quốc Toàn	1,5	39		0,00
40	0295	Lương Nguyễn Quang	Huy	8.4	Huỳnh Thị Lựu	1,5	39		0,00
41	0297	Lê Anh	Khoa	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	1,5	39		0,00
42	0310	Trần Thảo	Ngọc	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	1,25	42		0,00
43	0317	Trần Thiệu	Phong	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	1	43		0,00
44	0316	Trần Bảo Quỳnh	Như	8/3	Nguyễn Du	0,75	44		0,00
45	0331	Huỳnh Khả	Tú	8/5	Nguyễn Du	0,75	44		0,00
46	0288	Nguyễn Tiến	Dũng	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	0,25	46		0,00
47	0309	Nguyễn Trần Bảo	Ngân	8/1	Phan Bội Châu	0,25	46		0,00
48	0323	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	8/5	Nguyễn Du	0,25	46		0,00

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Thủy



Nguyễn Viết Tinh

TM. BAN TỔ CHỨC  
PHÓ TRƯỞNG BAN



Lê Hùng Sĩ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VHXH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI

NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn thi : NGŨ VĂN 8

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0361	Thân Ngọc Uyên	Như	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	13	1	I	3,00
2	0349	Huỳnh Khánh	Linh	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	12,25	2	II	2,00
3	0353	Nguyễn Bảo	Ngân	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	12	3	II	2,00
4	0366	Trần Nguyễn Song	Thy	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	11,75	4	II	2,00
5	0371	Hứa Ánh	Tuyết	8/2	Kim Đồng	11,25	5	II	2,00
6	0334	Nguyễn Thị Bảo	Châu	8/1	Trần Quốc Toàn	11	6	II	2,00
7	0362	Nguyễn Ngọc Xuân	Phương	8/2	Kim Đồng	11	6	II	2,00
8	0357	Phạm Nguyễn Bảo	Nhi	8/2	Kim Đồng	10,5	8	III	1,00
9	0360	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	8/2	Kim Đồng	10,5	8	III	1,00
10	0338	Võ Minh Linh	Đan	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	10	10	III	1,00
11	0364	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	8/2	Kim Đồng	10	10	III	1,00
12	0372	Lê Bảo	Uyên	8/3	Trần Quốc Toàn	10	10	III	1,00
13	0377	Đình Ngọc	Vy	8/5	Nguyễn Du	10	10	III	1,00
14	0378	Trần Lê Như	Ý	8/5	Nguyễn Du	10	10	III	1,00
15	0342	Nguyễn Thị Hồng	Hà	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	9,75	15	III	1,00
16	0339	Võ Thái Bằng	Di	8/2	Lý Thường Kiệt	9,5	16	III	1,00
17	0363	Trần Ý	Quỳnh	8/9	Kim Đồng	9,5	16	III	1,00
18	0358	Đỗ Nguyên Bảo	Nhi	8/1	Chu Văn An	9,25	18	KK	0,50
19	0359	Phạm Trần Bảo	Nhi	8/1	Chu Văn An	9,25	18	KK	0,50
20	0344	Phạm Nguyễn Gia	Hân	8/1	Chu Văn An	9	20	KK	0,50
21	0356	Ngô Trần Bảo	Ngọc	8/5	Nguyễn Du	9	20	KK	0,50
22	0375	Võ Hoàn Thanh	Vân	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	9	20	KK	0,50
23	0352	Nguyễn Thị Uyên	Na	8/5	Nguyễn Du	8,75	23	KK	0,50
24	0335	Nguyễn Diệu Bảo	Châu	8/3	Trần Quốc Toàn	8,5	24	KK	0,50
25	0348	Phạm Bảo Khánh	Linh	8/2	Kim Đồng	8,5	24	KK	0,50
26	0350	Trịnh Thị Nguyệt	Minh	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	8,25	26	KK	0,50
27	0370	Bùi Văn Hiền	Tuệ	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	8,25	26	KK	0,50
28	0351	Dương	Minh	8/1	Phan Bội Châu	8	28	KK	0,50
29	0365	Trần Trúc	Quỳnh	8/1	Phan Bội Châu	8	28	KK	0,50
30	0367	Nguyễn Ngọc Phương	Trang	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	8	28	KK	0,50
31	0376	Võ Lê Khánh	Vân	8/5	Nguyễn Du	8	28	KK	0,50
32	0343	Nguyễn Lê Bảo	Hân	8/1	Chu Văn An	7,5	32		0,00
33	0337	Nguyễn Bảo	Châu	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	7,25	33		0,00
34	0347	Nguyễn Thị Minh	Hoàng	8/1	Phan Bội Châu	7	34		0,00
35	0355	Nguyễn Trang Bảo	Ngọc	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	7	34		0,00
36	0369	Trần Thị Cẩm	Tú	8.4	Huỳnh Thị Lựu	6,75	36		0,00
37	0336	Trần Thị Bảo	Châu	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	6,5	37		0,00
38	0340	Trần Cao Hoàng	Giang	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	6,5	37		0,00
39	0345	Trần Gia	Hân	8/1	Chu Văn An	6,5	37		0,00
40	0346	Huỳnh Lê Thanh	Hậu	8/1	Phan Bội Châu	6,5	37		0,00
41	0368	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	8/1	Lý Thường Kiệt	6,5	37		0,00
42	0333	Nguyễn Lê Hoài	An	8/2	Kim Đồng	6,25	42		0,00
43	0374	Ngô Khánh	Vân	8/2	Kim Đồng	6,25	42		0,00
44	0379	Trần Ngọc Như	Ý	8.4	Huỳnh Thị Lựu	6,25	42		0,00
45	0341	Ngô Nguyễn Châu	Giang	8/1	Phan Bội Châu	6	45		0,00
46	0354	Nguyễn Hồ Kim	Ngân	8	Quang Trung	6	45		0,00
47	0373	Nguyễn Ngọc Vy	Uyên	8/1	Lý Thường Kiệt	5,5	47		0,00

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Viết Tinh



TM. BAN TỔ CHỨC  
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Hùng Sĩ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VHXH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỚI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỚI  
NĂM HỌC 2025 - 2026  
Môn thi : TIẾNG ANH 8

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0383	Phùng Anh	Chương	8/2	Kim Đồng	14	1	I	3,00
2	0387	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	8/2	Kim Đồng	13,6	2	II	2,00
3	0411	Nguyễn Nho Mỹ	Nhi	8/2	Kim Đồng	13,6	2	II	2,00
4	0417	Võ Trần Thục	Quyên	8/2	Kim Đồng	13,3	4	II	2,00
5	0424	Lê Ngân	Thuyền	8/2	Kim Đồng	12,1	5	II	2,00
6	0380	Phạm Huỳnh Huyền	Anh	8/2	Kim Đồng	10,8	6	II	2,00
7	0397	Phan Lương Ngọc	Lê	8/3	Nguyễn Bình Khiêm	10,4	7	III	1,00
8	0381	Nguyễn Hoàng	Bách	8/3	Nguyễn Bình Khiêm	10,1	8	III	1,00
9	0426	Đoàn Bảo	Trần	8/3	Lý Thường Kiệt	10,1	8	III	1,00
10	0420	Đỗ Phú	Thiên	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	9,65	10	III	1,00
11	0408	Hồ Khánh	Ngân	8/2	Kim Đồng	9,2	11	III	1,00
12	0403	Trần Như	Mây	8/3	Nguyễn Bình Khiêm	8,7	12	III	1,00
13	0391	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	8/1	Phan Bội Châu	8,6	13	III	1,00
14	0406	Lê Hoàng Thảo	My	8/2	Kim Đồng	8,6	13	III	1,00
15	0425	Hoàng Bảo	Tiên	8/3	Nguyễn Bình Khiêm	8,2	15	KK	0,50
16	0388	Trần Thị Ngọc	Hân	8/2	Kim Đồng	8,1	16	KK	0,50
17	0396	Trần Tuấn	Kiệt	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	7,5	17	KK	0,50
18	0418	Hoàng Bá	Thanh	8/3	Nguyễn Bình Khiêm	7,2	18	KK	0,50
19	0389	Dương Ngọc	Hân	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	6,9	19	KK	0,50
20	0398	Lê Nhật Hà	Linh	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	6,9	19	KK	0,50
21	0410	Nguyễn Việt Thiện	Nhân	8/1	Chu Văn An	6,7	21	KK	0,50
22	0393	Võ Diệu	Khả	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	6,5	22	KK	0,50
23	0405	Tường Văn	Minh	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	6,2	23	KK	0,50
24	0390	Mai Nguyễn Bảo	Hân	8/1	Chu Văn An	6,1	24	KK	0,50
25	0384	Nguyễn Hoàng Anh	Dương	8/1	Trần Quốc Toàn	6	25	KK	0,50
26	0394	Phạm Bảo	Khanh	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	6	25	KK	0,50
27	0395	Phạm Nguyễn	Khôi	8/1	Phan Bội Châu	5,5	27	KK	0,50
28	0399	Lê Khánh	Linh	8/1	Phan Bội Châu	5,4	28	KK	0,50
29	0413	Lê Trần Quỳnh	Như	8/1	Phan Bội Châu	5,2	29	KK	0,50
30	0421	Huỳnh Thị Kim	Thư	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	4,85	30		0,00
31	0412	Phạm Hoàng Uyên	Nhi	8/3	Trần Quốc Toàn	4,7	31		0,00
32	0416	Phạm Trương Mỹ	Phúc	8/1	Chu Văn An	4,7	31		0,00
33	0402	Dương Tiểu	Mẫn	8/1	Chu Văn An	4,5	33		0,00
34	0392	Đặng Nguyễn Gia	Hân	8/5	Nguyễn Du	4,3	34		0,00
35	0428	Võ Nguyễn Như	Ý	8/5	Nguyễn Du	4,3	34		0,00
36	0401	Lê Nguyễn Tuệ	Mẫn	8/3	Nguyễn Bình Khiêm	4,2	36		0,00
37	0409	Bùi Bích	Ngọc	8/5	Nguyễn Du	4,2	36		0,00
38	0419	Lê Nguyễn Bá	Thanh	8/5	Nguyễn Du	4,2	36		0,00
39	0423	Phan Lê Thanh	Thư	8.4	Huỳnh Thị Lựu	3,7	39		0,00
40	0414	Trương Minh Hoài	Như	8/1	Phan Bội Châu	3,4	40		0,00
41	0400	Mai Hoàng Bảo	Linh	8.3	Huỳnh Thị Lựu	3,3	41		0,00
42	0422	Phan Hoàn Anh	Thư	8/5	Nguyễn Du	3	42		0,00
43	0386	Phạm Minh	Hải	8.4	Huỳnh Thị Lựu	2,8	43		0,00
44	0427	Lê Công Anh	Tuấn	8.4	Huỳnh Thị Lựu	2,7	44		0,00
45	0407	Huỳnh Thị Diễm	My	8/1	Trần Quốc Toàn	2,5	45		0,00
46	0415	Lê Thị Bảo	Oanh	8/1	Chu Văn An	2,4	46		0,00
47	0382	Trần Linh	Chi	8	Quang Trung	2,1	47		0,00
48	0404	Nguyễn Thiện	Minh	8/1	Lý Thường Kiệt	2,1	47		0,00
49	0385	Lữ Phương	Duyên	8/1	Lý Thường Kiệt	1,1	49		0,00

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Thủy



Nguyễn Việt Tinh



TM. BAN TỔ CHỨC  
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Hùng Sĩ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VHXH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI

NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn thi : KHTN 8 (LĨNH VỰC VẬT LÝ)

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0447	Nguyễn Đăng Phúc	Khang	8/1	Phan Bội Châu	14,125	1	I	3,00
2	0468	Phan Xuân	Thịnh	8/2	Lý Thường Kiệt	13,25	2	II	2,00
3	0443	Phạm Trần Gia	Hưng	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	12,875	3	II	2,00
4	0438	Nguyễn Việt Hoàng	Gia	8/6	Kim Đồng	12,5	4	II	2,00
5	0432	Trần Khánh	Băng	8/6	Kim Đồng	11,25	5	II	2,00
6	0470	Viên Tô	Thư	8/2	Kim Đồng	11,125	6	II	2,00
7	0446	Nguyễn Võ Tú	Kha	8/4	Kim Đồng	11	7	III	1,00
8	0451	Nguyễn Long	Khoa	8/1	Kim Đồng	10,5	8	III	1,00
9	0429	Trần Bảo	An	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	10	9	III	1,00
10	0433	Tạ Hoàng Gia	Bảo	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	10	9	III	1,00
11	0449	Đặng Nhật	Khánh	8/1	Phan Bội Châu	9,75	11	III	1,00
12	0463	Bùi Song	Phúc	8/2	Kim Đồng	9,25	12	III	1,00
13	0455	Nguyễn Thiên	Long	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	9	13	III	1,00
14	0464	Hồ Đăng	Quân	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	9	13	III	1,00
15	0475	Lê Triệu	Vỹ	8/1	Phan Bội Châu	8,125	15	KK	0,50
16	0431	Phạm Khánh	Băng	8/5	Kim Đồng	8	16	KK	0,50
17	0435	Nguyễn Thiên	Châu	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	7,25	17	KK	0,50
18	0440	Nguyễn Hùng	Hải	8/3	Trần Quốc Toàn	6,5	18	KK	0,50
19	0450	Phạm Gia	Khiêm	8/9	Kim Đồng	6,5	18	KK	0,50
20	0436	Phan Quốc	Đạt	8/1	Chu Văn An	6,25	20	KK	0,50
21	0437	Cao Kiều	Duyên	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	6,25	20	KK	0,50
22	0444	Trần Quốc	Huy	8/1	Kim Đồng	6,25	20	KK	0,50
23	0462	Ngô Thanh	Phong	8/2	Nguyễn Duy Hiệu	6,125	23	KK	0,50
24	0430	Nguyễn Thị Hoài	An	8/2	Phan Bội Châu	6	24	KK	0,50
25	0441	Nguyễn Trần Gia	Hân	8/2	Trần Quốc Toàn	6	24	KK	0,50
26	0473	Huỳnh Phạm Thanh	Trúc	8/3	Trần Quốc Toàn	5,75	26	KK	0,50
27	0453	Nguyễn Văn Hào	Kiệt	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	5,5	27	KK	0,50
28	0471	Đỗ Thị Thùy	Trang	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	5,375	28	KK	0,50
29	0465	Võ Kiên	Quốc	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	5,25	29		0,00
30	0467	Lê Nguyễn Chí	Tâm	8/3	Lý Thường Kiệt	5,25	29		0,00
31	0472	Lê Quỳnh Ngân	Trúc	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	5,25	29		0,00
32	0460	Nguyễn Lê Tường	Như	8/1	Phan Bội Châu	4,75	32		0,00
33	0442	Nguyễn Gia	Hội	8/3	Nguyễn Bình Khiêm	4,5	33		0,00
34	0458	Nguyễn Thị Thảo	Ly	8/1	Chu Văn An	4,5	33		0,00
35	0454	Đình Hoàng Bảo	Kỳ	8.4	Huỳnh Thị Lựu	4,375	35		0,00
36	0439	Phạm Hoàng Khánh	Giăng	8/4	Nguyễn Du	4,25	36		0,00
37	0452	Nguyễn Anh	Khôi	8/5	Nguyễn Du	4,25	36		0,00
38	0434	Trần Lê Gia	Bảo	8/5	Nguyễn Du	4,125	38		0,00
39	0474	Huỳnh Nguyễn Minh	Vũ	8/2	Chu Văn An	4	39		0,00
40	0456	Nguyễn Ngọc Hoàng	Long	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	3,125	40		0,00
41	0448	Dương	Khang	8	Quang Trung	2,5	41		0,00
42	0459	Nguyễn Bảo	Ngọc	8/5	Chu Văn An	2,25	42		0,00
43	0466	Lê Hồ Thanh	Sơn	8/5	Nguyễn Du	1,625	43		0,00
44	0461	Đặng Thị Kim	Oanh	8.4	Huỳnh Thị Lựu	1,5	44		0,00
45	0457	Lưu Thị Kim	Luy	8/2	Lý Thường Kiệt	1,125	45		0,00
46	0445	Đặng Gia	Huy	8/5	Nguyễn Du	0,5	46		0,00
47	0469	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	8/1	Chu Văn An	0,25	47		0,00

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Việt Tinh



Lê Hùng Sĩ  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VHXH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI  
NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn thi : KHTN 8 (LĨNH VỰC HÓA HỌC)

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0519	Đình Bảo	Thy	8/1	Kim Đồng	13,875	1	I	3,00
2	0523	Trần Nhã	Uyên	8/1	Phan Bội Châu	13,75	2	II	2,00
3	0476	Lê Hữu	An	8/1	Kim Đồng	12,375	3	II	2,00
4	0510	Nguyễn Thị Minh	Tâm	8/9	Kim Đồng	12,15	4	II	2,00
5	0493	Nguyễn Thành	Luân	8/1	Kim Đồng	12,05	5	II	2,00
6	0485	Phạm Minh	Khang	8/1	Kim Đồng	12,025	6	II	2,00
7	0502	Trần Bảo	Như	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	11,775	7	II	2,00
8	0507	Nguyễn Văn Anh	Quãng	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	11,725	8	III	1,00
9	0513	Nguyễn Tấn	Thành	8/1	Chu Văn An	11,625	9	III	1,00
10	0500	Đình Hoàng Bảo	Nguyễn	8/1	Phan Bội Châu	11,275	10	III	1,00
11	0497	Nguyễn Khôi	Nguyễn	8/1	Kim Đồng	11	11	III	1,00
12	0478	Hoàng Gia	Bảo	8/2	Nguyễn Duy Hiệu	10,375	12	III	1,00
13	0524	Nguyễn Đỗ Ngọc	Vân	8/2	Kim Đồng	10,25	13	III	1,00
14	0515	Lê Văn Bảo	Thiện	8/1	Chu Văn An	10,125	14	III	1,00
15	0484	Hà Gia	Huy	8/5	Nguyễn Du	10,025	15	III	1,00
16	0477	Nguyễn Lê Thảo	Án	8/3	Kim Đồng	10	16	III	1,00
17	0495	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	8/1	Kim Đồng	9,975	17	KK	0,50
18	0481	Ngô Lương Khải	Hoàn	8/1	Phan Bội Châu	9,9	18	KK	0,50
19	0480	Trần Gia	Hân	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	9,775	19	KK	0,50
20	0512	Phạm Trần Hoàng	Tân	8/1	Kim Đồng	9,6	20	KK	0,50
21	0490	Lê Thị Tuyết	Lê	8/2	Trần Quốc Toàn	9,4	21	KK	0,50
22	0518	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	9,375	22	KK	0,50
23	0522	Đỗ Đức	Trí	8/1	Phan Bội Châu	9,2	23	KK	0,50
24	0487	Mai Bảo	Khanh	8/5	Nguyễn Du	9,025	24	KK	0,50
25	0496	Đỗ Lê Thảo	Nguyễn	8/4	Huỳnh Thị Lựu	8,9	25	KK	0,50
26	0509	Nguyễn Nhật	Quỳnh	8/5	Nguyễn Du	8,705	26	KK	0,50
27	0482	Ngô Gia	Hưng	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	8,625	27	KK	0,50
28	0525	Lê Hoàng Ngọc	Vy	8/5	Nguyễn Du	8,425	28	KK	0,50
29	0489	Trần Cao Ngọc	Kim	8/1	Chu Văn An	8,025	29	KK	0,50
30	0521	Huỳnh Phương Bảo	Trần	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	7,95	30	KK	0,50
31	0514	Võ Nguyễn Bảo	Thiên	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	7,775	31		0,00
32	0486	Đặng Hoàng Duy	Khang	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	7,275	32		0,00
33	0479	Phạm Huy	Đạt	8/3	Huỳnh Thị Lựu	7,175	33		0,00
34	0488	Nguyễn Việt	Khoa	8/1	Chu Văn An	7,15	34		0,00
35	0506	Võ Lê Minh	Quân	8/1	Phan Bội Châu	7	35		0,00
36	0483	Lê Việt	Huy	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	6,85	36		0,00
37	0508	Lê Nguyễn Ngọc	Quý	8/3	Nguyễn Du	6,525	37		0,00
38	0520	Nguyễn Võ Bảo	Trâm	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	6,5	38		0,00
39	0505	Nguyễn Anh	Quân	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	6,025	39		0,00
40	0511	Trần Thị Thanh	Tâm	8/1	Lý Thường Kiệt	5,9	40		0,00
41	0498	Trần Võ Thị Thảo	Nguyễn	8/2	Lý Thường Kiệt	5,775	41		0,00
42	0499	Lê Nguyễn Hương	Nguyễn	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	5,75	42		0,00
43	0492	Lê Vỹ	Long	8/1	Huỳnh Thị Lựu	5,375	43		0,00
44	0503	Lê Khả Ái	Như	8/3	Trần Quốc Toàn	5,175	44		0,00
45	0516	Nguyễn Anh	Thiện	8/4	Huỳnh Thị Lựu	4,175	45		0,00
46	0517	Lê Kim	Thu	8	Quang Trung	3,85	46		0,00
47	0504	Nguyễn Kim Tuyết	Ny	8/2	Chu Văn An	3,475	47		0,00
48	0501	Nguyễn Văn Thành	Nhân	8/2	Nguyễn Bình Khiêm	2,975	48		0,00
49	0491	Lữ Phạm Phương	Linh	8/2	Lý Thường Kiệt	2,75	49		0,00
50	0494	Lê Thị Diễm	My	8/2	Trần Quốc Toàn	2,325	50		0,00

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Việt Tình



Lê Hùng Sĩ  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VHXH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ KỲ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI  
NĂM HỌC 2025 - 2026  
Môn thi : TIN HỌC 8

STT	SBD	HỌ	TÊN	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM	Vị thứ	Giải	Điểm thưởng
1	0542	Bùi Minh	Quân	8/5	Nguyễn Duy Hiệu	17,2	1	I	3,00
2	0527	Nguyễn Minh	Đức	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	16,8	2	II	2,00
3	0536	Triệu Tấn	Long	8/3	Trần Quốc Toàn	16,8	2	II	2,00
4	0528	Nguyễn Đức	Duy	8/5	Nguyễn Du	16,6	4	III	1,00
5	0533	Nguyễn Đức Thiệu	Kha	8/1	Kim Đồng	16	5	III	1,00
6	0532	Nguyễn Ngọc Gia	Huy	8/2	Trần Quốc Toàn	13,2	6	III	1,00
7	0535	Nguyễn Vũ Quỳnh	Lam	8/5	Nguyễn Du	12,4	7	III	1,00
8	0538	Nguyễn Đình Lê	Phong	8/1	Kim Đồng	11,2	8	KK	0,50
9	0534	Lê Nguyên	Khang	8/4	Huỳnh Thị Lựu	9,2	9	KK	0,50
10	0526	Võ Thanh	Chung	8/4	Chu Văn An	7,8	10	KK	0,50
11	0548	Hoàng Xuân	Vĩnh	8/1	Chu Văn An	6	11	KK	0,50
12	0531	Nguyễn Gia	Huy	8/7	Kim Đồng	4	12	KK	0,50
13	0544	Lê Nguyên	Sang	8/1	Kim Đồng	3,6	13	KK	0,50
14	0539	Phạm Xuân	Phúc	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	3,2	14	KK	0,50
15	0541	Nguyễn Hoàng	Quân	8/3	Kim Đồng	3,2	14	KK	0,50
16	0537	Nguyễn Bảo	Long	8/5	Nguyễn Du	2,8	16		0,00
17	0530	Nguyễn Phúc Trọng	Hiếu	8/4	Huỳnh Thị Lựu	2,4	17		0,00
18	0529	Võ Tấn	Hiếu	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	1,2	18		0,00
19	0543	Trịnh Triều	Quân	8/1	Nguyễn Bình Khiêm	0,8	19		0,00
20	0540	Nguyễn Tấn	Phúc	8/1	Phan Bội Châu	0,4	20		0,00
21	0545	Đỗ Phú	Sĩ	8/1	Phan Bội Châu	0,4	20		0,00
22	0547	Võ Đặng Vĩnh	Trình	8/4	Nguyễn Duy Hiệu	0,4	20		0,00
23	0546	Huỳnh Thị Bảo	Trâm	8/3	Lý Thường Kiệt	0	23		0,00
24	0549	Trần Nguyễn Tường	Vy	8/3	Lý Thường Kiệt	0	23		0,00

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Viết Tình



TM. BAN TỔ CHỨC  
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Hùng Sĩ  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VHXX

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC  
KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 6,7,8

KẾT QUẢ VỊ THỨ TOÀN ĐOÀN CUỘC THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI 6-7-8  
NĂM HỌC 2025-2026  
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG

STT	TRƯỜNG		TOÀN 6		VAN 6		ANH 6		TOÀN 7		VAN 7		ANH 7	
	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT
1	Chu Văn An	2.400	7	9.600	6	4.540	8	4.300	4	6.450	10	5.220	9	
2	Huyhnh Thị Lưu	2.630	6	8.200	10	5.080	6	1.167	9	9.000	5	7.750	6	
3	Kim Đồng	8.725	1	10.750	4	12.478	2	11.528	1	12.139	1	15.645	1	
4	Lý Thường Kiệt	3.375	5	11.875	2	3.700	9	1.250	8	8.250	6	8.300	4	
5	Nguyễn Bình Khiêm	5.016	4	11.750	3	8.325	3	5.813	2	9.406	3	9.738	2	
6	Nguyễn Du	2.063	8	8.875	8	7.900	4	2.438	7	7.813	8	6.575	8	
7	Nguyễn Duy Hiệu	5.250	2	12.550	1	14.700	1	3.500	5	7.900	7	8.720	3	
8	Phan Bội Châu	5.175	3	10.250	5	7.660	5	5.150	3	9.300	4	7.050	7	
9	Trần Quốc Toàn	1.500	9	8.333	8	4.700	7	3.333	6	11.583	2	7.833	5	
10	Quang Trung	0,000	10	8,250	9	2,900	10	0,000	10	7,750	9	4,500	10	

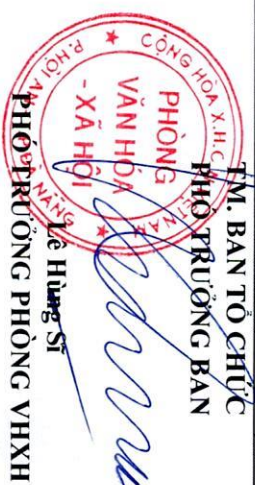
STT	TRƯỜNG		TOÀN 8		VAN 8		ANH 8		LY 8		HOA 8		TIN 8		VỊ THỨ TOÀN ĐOÀN	
	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM	VT	DIỂM VT	VT
1	Chu Văn An	3,650	5	8,600	5	5,080	5	3,550	7	8,580	5	7,400	5	76,000	6	
2	Huyhnh Thị Lưu	2,875	6	6,500	9	3,125	9	2,938	8	6,531	7	6,050	7	88,000	9	
3	Kim Đồng	10,444	1	10,250	3	13,200	1	10,764	1	12,830	1	8,200	3	20,000	1	
4	Lý Thường Kiệt	2,833	7	7,500	7	4,767	6	7,208	5	4,808	9	0,000	9	77,000	7	
5	Nguyễn Bình Khiêm	5,000	4	8,125	6	8,438	2	7,797	3	7,794	6	7,767	4	42,000	3	
6	Nguyễn Du	2,000	9	9,938	4	4,250	8	2,625	9	9,070	4	11,267	2	78,000	8	
7	Nguyễn Duy Hiệu	5,917	2	12,917	1	7,300	3	7,604	4	9,400	3	7,267	6	38,000	2	
8	Phan Bội Châu	5,250	3	7,300	8	6,120	4	9,550	2	11,025	2	0,400	8	54,000	4	
9	Trần Quốc Toàn	2,250	8	11,000	2	4,567	7	6,583	6	5,800	8	16,500	1	69,000	5	
10	Quang Trung	0,000	10	6,000	10	2,100	10	2,500	10	3,850	10	0,000	9	117,000	10	

THƯ KÝ

PHÒNG PHỔ TRƯỞNG BAN  
PHỔ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Việt Tinh



Le Hùng Sĩ

PHỔ TRƯỞNG PHÒNG VHXXH